

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng
tại Trường Đại học Kiên Giang**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-ĐHKG ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định khối lượng và cấu trúc chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng;

Xét Đề nghị của Ban chỉ đạo công tác soạn thảo, rà soát và xây dựng các chương trình đào tạo trình độ đại học định hướng ứng dụng;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục gồm 22 Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng (Danh mục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Chương trình đào tạo được ban hành áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023 (Khóa 09) tại Trường Đại học Kiên Giang.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các Khoa, các đơn vị thuộc, trực thuộc trường, người học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (qua mail trường);
- Lưu: VT, ĐT (5b).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Các Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng
tại Trường Đại học Kiên Giang

Stt	Tên chương trình	Trình độ	Khoa quản lý	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Đại học	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Đại học		
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Đại học		
4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đại học	Khoa Tài nguyên - Môi trường	
5	Quản lý tài nguyên và môi trường	Đại học		
6	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Khoa Ngoại Ngữ	
7	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	Đại học		
8	Du lịch	Đại học	Khoa Sư phạm và Xã hội nhân văn	
9	Sư phạm toán học	Đại học		
10	Giáo dục tiểu học	Đại học		
11	Luật	Đại học		
12	Kế toán	Đại học	Khoa Kinh tế	
13	Quản trị kinh doanh	Đại học		
14	Tài chính - ngân hàng	Đại học		
15	Kinh doanh quốc tế	Đại học	Khoa Khoa học Thực phẩm và Sức khỏe	
16	Công nghệ thực phẩm	Đại học		
17	Công nghệ sinh học	Đại học	Khoa Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
18	Nuôi trồng thủy sản	Đại học		
19	Khoa học cây trồng	Đại học		
20	Chăn nuôi	Đại học		
21	Kinh doanh nông nghiệp	Đại học	Khoa Thông tin và Truyền thông	
22	Công nghệ thông tin	Đại học		

Danh sách gồm 22 chương trình./.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 894/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: Du lịch (Tourism)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Du lịch

Mã ngành: 7810101

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đại học ngành Du lịch đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức trách nhiệm công dân, có bản lĩnh độc lập tự chủ sáng tạo và say mê nghiên cứu khoa học, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự hoàn thiện bản thân, có sức khỏe tốt và sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Đào tạo những cử nhân có kiến thức chuyên môn sâu về lý thuyết cơ bản và chuyên môn, kỹ năng thực hành thành thạo, đạt chuẩn quy định, làm việc được tại các doanh nghiệp quản lý du lịch, dịch vụ du lịch và lữ hành.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

- PO2: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

- PO3: Ứng dụng kiến thức về tin học, ngoại ngữ, kinh doanh du lịch, văn hóa, địa lí;

- PO4: Ứng dụng kiến thức về các nghiệp vụ hỗ trợ trong du lịch;

- PO5: Đánh giá về tâm lý, xã hội, hành vi con người và kỹ năng giao tiếp ứng xử;

- PO6: Ứng dụng kiến thức về ngành du lịch: nghiệp vụ lữ hành, quy trình tổ chức, điều hành hướng dẫn các chương trình du lịch.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO7: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

- PO8: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

- PO9: Áp dụng kỹ năng giao tiếp ứng xử chuyên nghiệp đối với mọi đối tượng khách hàng và hơn hết là kỹ năng ứng biến nhanh với các tình huống bất trắc xảy ra một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất;

- PO10: Phát triển một số kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp như: kỹ năng thuyết trình trước đám đông tạo được sự truyền cảm, nắm bắt thông tin, tâm lý du khách, kỹ năng quan sát;

1.2.3 Về thái độ:

- PO11: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO12: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật;

- PO13: Phát triển hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp;

- PO14: Thiết lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân;

- PO15: Chọn lọc thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình thường xuyên để có thái độ ứng xử, xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1 Kiến thức

- (PLO1) Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo

- (PLO2) So sánh kiến thức về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành du lịch để vận dụng vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể: xác định đề tài nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu; tiến hành nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu.

- (PLO3) Ứng dụng kiến thức chung về kinh doanh du lịch, kiến thức chuyên sâu về các loại hình du lịch cơ bản như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch làng nghề, du lịch văn hóa tâm linh,...

- (PLO4) Ứng dụng kiến thức chung liên quan đến nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn hỗ trợ trong hướng dẫn du lịch.

- (PLO5): Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý – xã hội hành vi con người như: Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong du lịch.

- (PLO6) Vận dụng kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; kiến thức về quy trình và thủ tục tổ chức, điều hành hướng dẫn các chương trình du lịch; hệ thống

tuyến điểm du lịch Việt Nam; kiến thức về quy trình và phương pháp thiết kế chương trình du lịch.

2.2 Kỹ năng

- (PLO7) Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;

- (PLO8) Phát triển kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề chuyên môn một cách linh hoạt, hợp lý; thích ứng với những biến đổi trong hoạt động du lịch;

- (PLO9) Hướng dẫn kỹ năng tổ chức, điều hành các hoạt động du lịch để thực hiện chương trình du lịch như: tổ chức dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan, vui chơi giải trí;

- (PLO10) Kiểm soát cảm xúc, luôn điềm tĩnh trước mọi tình huống và có thái độ lịch thiệp với du khách trong mọi tình huống;

- (PLO11) Phát triển kỹ năng thuyết minh hướng dẫn du lịch và vận dụng phù hợp, hiệu quả trong từng trường hợp cụ thể;

- (PLO12) Sắp xếp và tổ chức các tour du lịch, các sự kiện văn hóa du lịch, phối hợp ăn ý trong làm việc nhóm, hoạt náo, sinh hoạt tập thể, tổ chức hoạt động thể thao, trò chơi vận động.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- (PLO13) Có lập trường chính trị tư tưởng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân

- (PLO14) Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp

- (PLO15) Có tinh thần hợp tác, khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau như điều hành văn phòng du lịch, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, điều hành tour.

- (PLO16) Duy trì khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực du lịch, cải tiến các hoạt động chuyên môn du lịch ở quy mô trung bình.

- (PLO17) Phát triển năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
PO1	x									x	x	x	x	x	x	x	x
PO2	x	x			x	x							x	x	x		
PO3			x		x	x		x	x		x				x		
PO4				x						x	x	x			x		x

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
PO5					x	x	x		x	x	x						
PO6			x	x		x		x	x	x	x	x			x		
PO7	x	x	x				x	x					x			x	x
PO8		x				x	x	x				x			x	x	x
PO9											x				x		
PO10			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
PO11		x					x						x	x	x	x	x
PO12								x	x	x				x	x	x	
PO13							x	x	x	x			x	x	x	x	x
PO14	x	x	x	x						x	x	x			x	x	x
PO15		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x

Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia
(bậc Đại học)

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1		x						x						x	
PLO2		x					x					x			
PLO3	x						x			x		x	x	x	
PLO4	x					x			x	x		x			
PLO5		x				x						x			
PLO6	x					x				x			x		x
PLO7	x					x						x			
PLO8	x				x	x			x	x		x	x		x
PLO9		x					x			x			x		
PLO10	x					x	x	x		x		x	x		
PLO11	x		x								x	x			
PLO12				x	x	x			x			x			x
PLO13		x				x						x			
PLO14	x			x				x		x		x			x
PLO15	x	x	x				x				x	x			
PLO16				x	x	x	x		x	x		x	x		x
PLO17				x	x				x					x	x

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	77	16
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	28	4
2.2	Kiến thức chuyên ngành	51	49	2
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng:		121	101	20

ỨNG DỤNG

Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chi	Tỷ lệ	PLOs																
				Kiến thức						Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17				
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	x	x					x						x				
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	34,4%	x		x	x				x	x					x			
2.2	Kiến thức chuyên ngành	51	54,8%		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10,8%	x	x	x	x	x	x		x	x				x	x		x	x
Tổng cộng		121	100%																	

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1 Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
1.3 Kiến thức tự chọn			4				
18	A25002	Âm nhạc đại cương	2	15	30	0	45
19	A25003	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	0	15	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
20	A25005	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
22	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	15	0	15	30
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
* Kiến thức cơ sở ngành			32				
2.1 Kiến thức bắt buộc			28				
23	A26208	Nhập môn ngành	1	0	30	0	30
24	A26107	Văn hóa thế giới	2	15	0	15	30
25	A26111	Tổng quan ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	15	0	15	30
26	A26217	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	2	15	0	15	30
27	B27170	Quản trị ẩm thực	3	30	0	15	45
28	A26210	Tổng quan du lịch	2	15	0	15	30
29	A26105	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam	3	30	30	0	60
30	A26160	Tâm lý du khách và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	2	15	0	15	30
31	A26094	Luật du lịch Việt Nam và Quốc tế	3	15	0	30	45
32	A26231	Kinh tế du lịch	3	30	0	15	45
33	A26161	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	3	15	30	15	60
34	A26211	Di tích thắng cảnh Việt Nam	2	15	30	0	45
2.2 Kiến thức tự chọn			4				
35	A26158	Du lịch làng nghề	2	15	30	0	45
36	A26159	Du lịch cộng đồng và Homestay	2	15	30	0	45
37	A26129	Quy hoạch du lịch	2	15	0	15	30
38	A26163	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	2	15	0	15	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
* Kiến thức ngành			51				
2.3 Kiến thức bắt buộc			49				
39	A27299	Thủ tục xuất nhập cảnh	2	15	30	0	45
40	B27164	Quản trị kinh doanh hàng lưu hành	3	30	0	15	45
41	B27161	Thiết kế và điều hành Tour du lịch	3	15	60	0	75
42	A27206	Địa lí du lịch Việt Nam	2	15	0	15	30
43	A27158	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	15	30	0	45
44	A27139	Du lịch sinh thái	2	15	30	0	45
45	A27142	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	15	60	0	75
46	A27341	Tổ chức sự kiện và du lịch MICE	3	15	30	15	60
47	A27157	Danh nhân đất Việt	2	15	0	15	30
48	A27214	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	2	15	30	0	45
49	A27159	Du lịch tôn giáo – tâm linh	3	15	60	0	75
50	A27215	Thực hành nghiệp vụ lưu hành	2	0	60	0	60
51	A27143	Kỹ năng Thuyết minh du lịch	2	15	30	0	45
52	A27138	Du lịch văn hóa	2	15	0	15	30
53	A27160	Văn hóa trang phục Việt Nam	2	15	0	15	30
54	A27300	Kỹ năng giới thiệu sản phẩm du lịch	2	15	0	15	30
55	B27169	Công nghệ buồng, bàn, bar	3	15	30	15	60
56	A27217	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	0	120
57	A27205	Thực tập thực tế	3	0	90	0	90
58	A27342	Dân tộc học	2	15	30	0	45
2.4 Kiến thức tự chọn			2				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
59	A27357	Lữ hành nội địa và quốc tế	2	15	0	15	30
60	A27216	Y tế du lịch	2	15	30	0	45
* Khóa luận tốt nghiệp			10				
61	A28001	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300	0	300
* Tương đương khóa luận tốt nghiệp			10				
62	A28002	Du lịch bền vững	3	30	0	15	45
63	A28058	Địa lí du lịch thế giới	2	15	0	15	30
64	A28075	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3	30	0	15	45
65	A28004	Du lịch biển đảo	2	15	0	15	30

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KIÊN GIANG

Nguyễn Văn Thành